

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HS-ST
Ngày: 08-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Dương Viết Hải

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà: Nguyễn Thị Thương

Bà: Nguyễn Thị Hải

- *Thư ký phiên tòa:* bà Phan Thị Thùy Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:* ông Lưu Minh Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2020/TLST - HSST ngày 30 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2020/HSST-QĐ ngày 25/8/2020, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Văn Tr (tên gọi khác: T), sinh năm: 1977 tại Bố Trạch, Quảng Bình; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: tổ Dân Phố Th, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; đoàn thể: quần chúng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông: Lê Văn L (chết) và bà: Nguyễn Thị M; có vợ: Phan Thị H và 02 con: lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017. Quá trình nhân thân: Ngày 29/12/2009, bị Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Hới xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đến ngày 01/9/2010 ra trại trở về địa phương sinh sống cho đến ngày phạm tội; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/4/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Từ Tiên V, sinh năm: 1987 tại Bố Trạch, Quảng Bình; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: tổ DP3, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; đoàn thể: quần

chúng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Từ Công Ph và bà Nguyễn Thị Hồng L; có vợ Lê Thị Huyền Tr (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2011 (đang sống cùng mẹ); tiền sự: không; tiền án: có 01 tiền án. Ngày 19/4/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xử phạt 13 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2018/HSST. Đến ngày 16/01/2019 ra trại về địa phương sinh sống cho đến ngày phạm tội. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/4/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Trần Như A, sinh năm: 1971 tại Bồ Trách, Quảng Bình; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: tổ DDP Q, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; đoàn thể: quần chúng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; con ông: Trần Như V (chết) và bà: Phạm Thị Th (chết); có vợ: Lưu Thị Thu H và 02 con: lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2011. Quá trình nhân thân: Ngày 16/6/1993, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa”. Đến ngày 30/7/1994 ra trại trở về địa phương sinh sống cho đến ngày phạm tội; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/4/2020 đến ngày 25/5/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho “Bảo lĩnh”, có mặt tại phiên tòa.

- *Những người bị hại:*

1. Bà: Đỗ Thị Lan H, sinh năm 1966; địa chỉ: TDP Th, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

2. Ông: Phạm Xuân Th, sinh năm 1964; địa chỉ: TDP 3, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

3. Bà: Võ Thị L, sinh năm 1958; địa chỉ: TDP 3, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh: Lê Văn Á, sinh năm 1975; địa chỉ: TDP Th, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

2. Ông: Lê Văn Th, sinh năm 1971; địa chỉ: TDP Q, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

3. Chị: Lê Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: TDP Th, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/4/2020, Lê Văn Tr sang nhà bà Đỗ Thị Lan H chơi thì phát hiện 01 máy giặt nhãn hiệu AQUA8KGAQN - S80ZT để ở nhà tắm. Đến ngày 10/4/2020, Tr đến nhà Trần Như A thì gặp A, Tr hỏi “có ai mua máy giặt không”. A nói “máy

mới hay cũ, giá mấy tiền”. Tr nói: “Máy còn mới, giá 2.000.000 đồng”. A nói để hỏi người mua cho. Ngày 11/4/2020, Tr sang lại nhà A thì A nói với Tr “Có người mua máy giặt rồi, mi chờ qua cho anh”. Tr nói “Để tôi em chờ sang, anh ở nhà đó để khiêng máy giặt với em”. A biết Tr sẽ đi lấy trộm máy giặt của ai đó, vì biết rõ Tr là đối tượng nghiện ma túy, thường xuyên trộm cắp tài sản, nhưng thấy rẻ nên A mua về sử dụng hoặc bán lại cho ai cần. Khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 11/4/2020 Tr rủ Từ Tiến V đi trộm cắp tài sản, V đồng ý. Đến khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 12/4/2020, Tr và V đi bộ đến nhà bà H, thấy nhà tắt đèn nên Tr và V lên vào nhà bà H. V đứng nơi sân để cảnh giới, còn Tr đi vào bên trong nhà tắm của bà H dùng tay tháo ống nước và rút dây cắm điện của máy giặt. Khi thấy Tr tháo xong, V đi vào cùng Tr khiêng máy giặt ra đường trước cổng nhà bà H. Sau đó, Tr về nhà lấy xe máy nhãn hiệu DREAM, BKS 73K2 - 6730 mượn của anh trai Lê Văn Á đến, cả hai cùng khiêng máy giặt lên xe, rồi Tr điều khiển xe một mình chở máy giặt đến nhà Trần Như A bán với giá 2.000.000 đồng như đã thỏa thuận trước. Tr chia cho V 700.000 đồng.

Quá trình điều tra các bị cáo Tr và V còn khai nhận ngoài vụ án trên Từ Tiến V và Lê Văn Tr còn thực hiện 03 vụ trộm cắp khác trên địa bàn thị trấn N cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng đầu tháng 4/2020, V rủ Tr đến nhà ông Phạm Xuân Th để trộm tài sản, Tr đồng ý. Sau đó Tr điều khiển xe mô tô mượn của anh trai chở V từ nhà Tr đến nhà ông Th, thấy nhà ông Th không có ai ở nhà. V trèo qua hàng rào vào trong vườn nhà, còn Tr đứng ngoài cảnh giới. V đi vòng ra phía sau vườn thấy 01 máy bơm đặt trên thành giếng. V dùng tay gỡ các đoạn nối giữa máy bơm với ống nước, rút dây điện ra và xách máy bơm ra chỗ Tr đứng. V xách máy bơm lên để trên xe và ngồi lên. Tr chở V đến bán cho anh Lê Văn Á lấy 400.000 đồng chia nhau tiêu xài.

Vụ thứ hai: Khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 22/4/2020, V rủ Tr đi trộm tài sản, Tr đồng ý và đã dùng xe mô tô mượn của anh trai mang theo 01 đèn Pin chở V đến gần nhà V. Tr dùng xe ngoài hàng rào gần nhà V và cả hai đi bộ đến nhà bà Võ Thị L, thấy nhà bà L tắt đèn nên cả hai nhảy qua hàng rào vào đến cửa nhà tắm. V dùng tay mở cửa và mở chốt cửa nhà tắm vào bên trong. Tr bật đèn Pin soi thấy bình lọc nước nhãn hiệu KANGAROO. V dùng tay nhổ phích cắm điện, còn Tr dùng tay mở van nước. Sau đó cả hai khiêng qua hàng rào đến chỗ để xe. Tr điều khiển xe chở V ngồi sau giữ bình nước đi tìm nơi để bán. Đến nhà anh Lê Văn Th sửa xe máy gần đó. V hỏi anh Th “có mua bình lọc nước không” thì anh Th hỏi “bình ở mô”. V trả lời “hàng ở Công ty thanh lý nên bán”. Anh Th đồng ý mua với giá 1.000.000 đồng. Sau khi lấy tiền cả hai vào thành phố Đồng Hới chơi và tiêu xài hết số tiền trên.

Vụ thứ ba: Khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 20/4/2020, V đi bộ đến nhà bà Võ Thị L thấy không có người ở nhà, V nhảy qua hàng rào đi bộ ra phía sau nhà, trèo thẳng lên mái ngói thì thấy một ô gió được chắn bằng một tấm kính. V nhấc tấm kính ra rồi chui người qua ô thông gió, đột nhập vào bên trong nhà. V đi đến phòng khách lấy trộm 01 Ti vi nhãn hiệu ASANZO đưa ra ngoài, rồi bỏ Ti vi vào bao lác nhặt ở hàng rào mang đi tìm chỗ bán. V đến nhà bà Lê Thị H hỏi bà H “có mua Ti vi không”, bà H hỏi “Ti vi của ai” thì V nói “Ti vi của V, do kẹt quá nên mới bán”. V nói bán 600.000 đồng. Bà H kiểm tra và trả cho V 400.000 đồng, V đồng ý bán và tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 16/KL - HĐĐGTS ngày 24/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Bồ Trạch kết luận: 01 máy giặt nhãn hiệu AQUA 8KG AQN - S80ZT, trị giá 5.460.000 đồng; 01 máy lọc nước nhãn hiệu KANGAROO, trị giá 1.200.000 đồng; 01 ti vi nhãn hiệu ASANZO, trị giá 1.500.000 đồng; 01 máy bơm nước nhãn hiệu PANASONIC, trị giá 1.000.000 đồng. Tổng giá trị mà V chiếm đoạt là 9.160.000 đồng; Tr chiếm đoạt 7.760.000 đồng và A chiếm đoạt 5.460.000 đồng.

Vật chứng và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ và xử lý trả lại cho các bị hại bà Đỗ Thị Lan H 01 máy giặt nhãn hiệu AQUA8KGAQN; bà Võ Thị L 01 bình lọc nước nhãn hiệu KANGAROO và 01 ti vi nhãn hiệu ASANZO; ông Phạm Xuân Th 01 máy bơm nước nhãn hiệu PANASONIC; trả lại cho anh Lê Văn Á 01 xe mô tô nhãn hiệu DREAM, BKS 73K2 - 6730; còn 01 đèn pin xạc điện loại đội đầu chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại bà Đỗ Thị Lan H, bà Võ Thị L và ông Phạm Xuân Th đã nhận lại tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt, nên không yêu cầu bồi thường gì. bà H và ông Th có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn Á, Lê Văn Th và chị Lê Thị H là những người cho mượn xe và mua lại tài sản của các bị cáo, nhưng khi cho mượn và mua lại tài sản họ không biết để sử dụng đi phạm tội và không biết tài sản do phạm tội mà có. Trong quá trình điều tra họ đã tự nguyện nộp lại các tài sản cho cơ quan điều tra và cơ quan điều tra đã lại cho chủ sở hữu hợp pháp, nhưng không ai có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Bản cáo trạng số 46/CT- VKSBT ngày 27/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trạch truy tố các bị cáo Lê Văn Tr, Từ Tiến V và Trần Như A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trạch giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng, đã xem xét đánh giá vị trí, vai trò, tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, các

tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tất cả các bị cáo (áp dụng thêm tiết 1 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Từ Tiến V; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Như A). Xử phạt bị cáo Lê Văn Tr và Từ Tiến V mỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù; bị cáo Trần Như A từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định; về hình phạt bổ sung: miễn xử phạt bổ sung đối với các bị cáo; về trách nhiệm dân sự: không xem xét; về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Xử tuyên buộc các bị cáo Tr và V nộp lại số tiền thu lợi bất chính 3.900.0000 đồng do phạm tội mà có theo phần, bị cáo V phải nộp lại số tiền 1.850.000 đồng; bị cáo Tr phải nộp lại số tiền 2.050.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước. Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 đèn Pin sạc điện loại đội đầu chuyển theo hồ sơ vụ án không còn sử dụng được và tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Tr, V và A đều nhất trí như quan điểm luận tội của Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa. Các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, xin hứa sẽ không tái phạm nữa. Bị cáo V và Tr đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo đến mức có thể để có điều kiện cải tạo, giáo dục bản thân, giúp đỡ gia đình. Bị cáo A đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn Tr, Từ Tiến V và Trần Như A đã khai nhận. Trước đó Tr phát hiện tại nhà tắm của bà Đỗ Thị Lan H có một máy giặt, nên đã có ý định lấy trộm đi bán, nhưng chưa có người mua. Vì vậy, đã nhiều lần đến nhà A hỏi bán. A biết rõ Tr là đối tượng nghiện ma túy, thường xuyên trộm cắp tài sản, không có máy giặt, chỉ đi trộm mới có, nhưng nghe giá rẻ nên đã hứa hẹn trước sẽ mua lại máy giặt của Tr. Sau khi A hứa hẹn trước việc

mua máy giặt. Tr đã rủ V đi trộm máy giặt của nhà bà H về bán cho A, V đồng ý. Đến khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 12/4/2020, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của gia đình bà H, Tr và V lên vào nhà bà H lấy trộm máy giặt nhãn hiệu AQUA8KGAQN, trị giá 5.640.000 đồng. Ngoài ra, trong quá trình điều tra các bị cáo Tr và V còn khai nhận trong tháng 4/2020 các bị cáo đã lên lút đột nhập vào nhà ông Phạm Xuân Th trộm 01 máy bơm nước nhãn hiệu PANASONIC, trị giá 1.000.000 đồng; trộm của nhà bà Võ Thị L 01 máy lọc nước nhãn hiệu KANGAROO, trị giá 1.200.000 đồng; Riêng bị cáo V một mình đột nhập vào nhà bà Võ Thị L lấy trộm 01 Ti vi nhãn hiệu ASANZO, trị giá 1.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo V chiếm đoạt là 9.160.000 đồng; bị cáo Tr chiếm đoạt 7.760.000 đồng và bị cáo A chiếm đoạt 5.460.000 đồng. Lời khai nhận của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của những người bị hại và diễn biến quá trình thực hiện hành vi phạm tội, vật chứng đã thu giữ, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lê Văn Tr, Từ Tiến V và Trần Như A phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, đúng như quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, lời khai nhận tội của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

[3] Xét về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện thấy: Các bị cáo là người đã trưởng thành, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nên nhận thức được hành vi lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng do nhu cầu cá nhân, thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện, lười lao động và bất chấp pháp luật, nên đã cố ý chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất ổn định tình hình an ninh trật tự, trị an xã hội, gây bất bình cho người dân trên địa bàn. Vì vậy, cần có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Xét vị trí, vai trò của các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội thấy:

Trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia, việc phạm tội nảy sinh và được thực hiện khi có người đề xướng, rủ rê thì các bị cáo đồng thuận thống nhất ý chí thực hiện, các bị cáo đều là những người thực hiện hành vi một cách tích cực, nên đây là vụ án đồng phạm giản đơn.

Đối với bị cáo Từ Tiến V và Lê Văn Tr thường là người khởi xướng, rủ rê và đã chủ động trực tiếp thực hiện hành vi một cách tích cực. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án; còn bị cáo Trần Như A biết rõ bị cáo Tr là đối tượng nghiện ma túy, thường xuyên trộm cắp tài sản, nhưng khi bị cáo Tr hỏi bán

tài sản thì không từ chối hoặc can ngăn, mà còn hưởng ứng bằng cách hứa hẹn trước là sẽ mua lại tài sản của Tr nếu trộm được, nên bị cáo là đồng phạm cùng với Tr và V với vai trò giúp sức cho bị cáo Tr và V thực hiện hành vi một cách tích cực và quyết liệt hơn.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong số các bị cáo, Từ Tiến V là người có tiền án, chưa được xóa án tích nhưng lại phạm tội mới nên thuộc trường hợp tái phạm. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại tiết 1 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Còn bị cáo Tr và A không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo Tr, V và A trong quá trình điều tra và tại phiên toà đều luôn khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn hối cải và nhận thức được hành vi sai trái của mình; người bị hại bà H và ông Th có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Tr và V trong quá trình điều tra đã tự nguyện khai báo ra các lần phạm tội mà cơ quan Điều tra chưa phát hiện; còn bị cáo A có bố là thương binh loại A, thương tật hạng 2/4, tỷ lệ thương tật 61%.

Về nhân thân: bị cáo V ra trại chưa lâu lại phạm tội mới; bị cáo Tr đã từng bị Tòa án tuyên phạt tù giam về tội chiếm đoạt, đã được xóa án tích. Bị cáo V và Tr trong thời gian ngắn đã có nhiều hành vi trộm cắp tài sản, nên có nhân thân xấu. Còn bị cáo A cũng đã từng bị Tòa án tuyên phạt tù giam về tội chiếm đoạt, đã được xóa án tích. Tuy nhiên, từ khi về địa phương sinh sống cho đến trước thời điểm phạm tội chưa có hành vi vi phạm pháp luật, nên không coi là nhân thân xấu.

Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[6] Về hình phạt: Trên cơ sở đánh giá vai trò, vị trí và tính chất, mức độ, hậu quả, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo thấy:

Các bị cáo Tr và V thường là người khởi xướng, rủ rê và cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi một cách tích cực, trong thời gian ngắn đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; tài sản chiếm đoạt nhiều hơn bị cáo A; là những người đã sử dụng ma túy, có nhân thân xấu, thể hiện ý thức coi thường và bất chấp pháp luật, là người khó cải tạo giáo dục nên cần chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, nghĩ cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, nhưng cần xem xét khi quyết định hình phạt của bị cáo V cao hơn mức hình phạt của bị cáo Tr, để nhằm trừng trị, giáo dục các bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật, ngăn ngừa các bị cáo phạm tội mới.

Còn bị cáo A thực hiện hành vi với vai trò là đồng phạm giúp sức, thứ yếu, không đáng kể trong vụ án, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trước đây đã có hành vi phạm tội nhưng đã được xóa án tích, sau khi xóa án tích đã chấp hành tốt các chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú được chính quyền địa phương xác nhận nên không coi là có nhân thân xấu, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự tu dưỡng, rèn luyện, cải tạo bản thân tại địa phương. Vì vậy, cần chấp nhận ý kiến đề nghị của kiểm sát viên, nghĩ chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương, phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo đều là những người làm nghề lao động tự do, công việc và thu nhập không đều, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên cần chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên để miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị hại bà H, bà L và ông Th đã nhận lại tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt nên không ai có ý kiến, yêu cầu gì thêm. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Á, anh Th và chị H là những người cho mượn xe và mua lại tài sản của các bị cáo, nhưng khi cho mượn và mua lại tài sản họ không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và tài sản do phạm tội mà có, nên họ đã tự nguyện nộp lại các tài sản cho cơ quan điều tra và cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản cho chủ sở hữu. Hiện nay, không ai có ý kiến, yêu cầu các bị cáo bồi thường lại số tiền mà họ đã bỏ ra mua tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Xét thấy quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên đã trả lại các vật chứng thu giữ cho chủ sở hữu là phù hợp với quy định của pháp luật. Hiện nay, không ai có ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Còn số tiền 3.900.000 đồng mà các bị cáo Tr và V bán tài sản do phạm tội mà có, là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và phạm tội mà có; còn 01 đèn Pin bị thu giữ là phương tiện mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không còn sử dụng được. Vì vậy, cần chấp nhận ý kiến đề nghị của kiểm sát viên để buộc các bị cáo Tr và V phải nộp lại theo phần đề tịch thu sung ngân sách nhà nước và tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Về án phí sơ thẩm: xử buộc các bị cáo Lê Văn Tr, Từ Tiến V và Trần Như A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách nhà nước.

Các bị cáo, những người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo (căn cứ thêm tiết 1 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với Từ Tiến V; căn cứ thêm Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Như A); các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: các bị cáo Lê Văn Tr, Từ Tiến V và Trần Như A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Từ Tiến V 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/4/2020.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Tr 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/4/2020.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Lê Văn Tr và Từ Tiến V với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/9/2020) để đảm bảo thi hành án, theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

Xử phạt bị cáo Trần Như A 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Trần Như A cho Ủy ban nhân dân thị trấn trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

2. Về hình phạt bổ sung: miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Xử tuyên buộc các bị cáo Lê Văn Tr và Từ Tiến V phải nộp lại số tiền 3.900.000 đồng theo phần cụ thể: Từ Tiến V phải nộp lại số

tiền 1.850.000 đồng (*Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*); bị cáo Lê Văn Tr phải nộp lại số tiền 2.050.000 đồng (*Hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước. Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 đèn Pin xạc điện loại đội đầu (vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra với Chi cục Thi hành án dân sự huyện B ngày 18/8/2020).

4. Về án phí: xử buộc các bị cáo Lê Văn Tr, Từ Tiến V và Trần Như A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách nhà nước.

Các bị cáo, những người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đối với những người vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- CA huyện B;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện B;
- THADS huyện B;
- UBND TT.N;
- Bị cáo, người TGTT;
- THA hình sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Dương Viết Hải